

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 14-4-2019
V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thảo
2. Ông Nguyễn Văn Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 215/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2018 về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Việt Th, sinh năm 1972 (Có mặt)

* *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1976 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn BĐ, xã ĐH, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Đỗ Thị H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống thì chúng tôi sống hạnh phúc với nhau đến tháng 02/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh là do mâu thuẫn về kinh tế gia đình.

Trong quá trình chung sống việc làm ăn không thuận lợi nên vợ con tôi coi thường, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, đã nhiều lần hai vợ chồng hòa giải nhưng không được. Vì vậy, tôi nhận thấy mâu thuẫn gia đình đã trở nên trầm trọng, hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với bà H.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có 04 người con chung là Nguyễn Đỗ Đức Đ, sinh ngày 16/3/1995, Nguyễn Đỗ Viết Y, sinh ngày 02/4/1997; Nguyễn Thị Thu I, sinh ngày 02/9/2000; Nguyễn Thị Thu A, sinh ngày 15/9/2009. Khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cháu A cho đến khi trưởng thành, còn đối với các con Đ, Y, I đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Bị đơn bà Đỗ Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Th tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì chúng tôi sống rất hạnh phúc nhưng từ tháng 02/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình, hai vợ chồng có lời qua, tiếng lại trong quá trình làm ăn của gia đình, dẫn đến mâu thuẫn gia đình nặng nề, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Nay ông Th khởi kiện yêu cầu ly hôn thì tôi cũng đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có 04 người con chung như ông Th đã trình bày. Khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cháu A cho đến khi trưởng thành, còn đối với các con Đ, Y, I đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ theo đúng theo quy định tại các điều 28, 35, 39, 68, 93, 97, 195, 196, 197, 203, 205, 208, 209, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 28, 35, của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên

- H
- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Th và bà H
 - Về con chung: Giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.
 - Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

Xét thấy, đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, do nguyên đơn ông Nguyễn Viết Th thực hiện quyền khởi kiện; bị đơn bà Đỗ Thị H có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại Thôn BĐ, xã ĐH, huyện Bù Gia Mập. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Viết Th và bà Đỗ Thị H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994, nhưng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Th và bà H là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng kí kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Tại khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về hướng dẫn thi hành Luật Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có quy định: “Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp

đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình”.

Do vậy việc ông Th và bà H chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay ông Th khởi kiện xin ly hôn, căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của luật hôn nhân và gia đình thì Tòa án thụ lý giải quyết và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Viết Th và bà Đỗ Thị H.

Về con chung: Trong quá trình sống chung, giữa ông Th và bà H có 04 người con chung là Nguyễn Đỗ Đức Đ, sinh ngày 16/3/1995, Nguyễn Đỗ Viết Y, sinh ngày 02/4/1997; Nguyễn Thị Thu I, sinh ngày 02/9/2000; Nguyễn Thị Thu A, sinh ngày 15/9/2009, cả ông Th và bà H đều yêu cầu được nuôi cháu Hà, còn các con Đ, Y, I đều đã trưởng thành nên không yêu cầu. Xét thấy, khi cha mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về thể chất và tinh thần. Tại phiên tòa cả ông Th và bà H đã thống nhất là giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, việc thỏa thuận trên cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu A là được sống với mẹ. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì cần giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa bà H yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, ông Th đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà H. Nên yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của bà H được chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

[3] Án phí hôn nhân sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Việt Th và bà Đỗ Thị H là vợ chồng

2. Về con chung: Giao người con chung là cháu Nguyễn Thị Thu A, sinh ngày 15/9/2009 cho bà Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Việt Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật này; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết do các đương sự không có yêu cầu

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Th phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Th đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019508 ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Về án phí cấp dưỡng: là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Thanh phải nộp.

6. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THA huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tuyết